TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 499/2018/HSPT
Ngày 21 tháng 9 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn
Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 174/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Hà Văn T1 và các bị cáo khác do người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HS-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B1.

- Các bị cáo bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Hà Văn T1 (Tên gọi khác: C), sinh năm 1987 tại tỉnh T; ĐKTT: Ấp Thuận Bình, xã Truông Mít, huyện D, tỉnh T; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông Hà Văn Héo và bà Nguyễn Thị Bé (chết); Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 62/2006/HSST ngày 11/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B2 phạt 12 tháng tù về tội *"Hủy hoại tài sản"*; Bản án số 13/2007/HSST ngày 06/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh T phạt 30 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2014 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Hoài T2 (Tên gọi khác: H1), sinh năm 1984 tại tỉnh B1; NKTT: Khu phố 2, phường Thác Mơ, thị xã P, tỉnh B1; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Võ Hoài Phương và bà Trần Thị Năm; Vợ Nguyễn Thị Hồng Nhung, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 57/2003/HSST ngày 18/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B1 phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 50/2006/HSST ngày 18/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 phạt

04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2014 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Tuấn K1 (Tên gọi khác: M1), sinh năm 1986 tại tỉnh B1; NKTT: Khu phố 5, phường Thác Mơ, thị xã P, tỉnh B1; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Phạm Văn Đông (chết) và bà Trần Thị Cúc; chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 08/2013/HSST ngày 17/01/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh B1 phạt 04 tháng 12 ngày tù về tội "Đánh bạc"; Đã chấp hành án xong nhưng chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2014 đến ngày 09/02/2018 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 07 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị;

- *Người bào chữa:*

+ Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Hà Văn Tấn: Luật sư Nguyễn Trần Thiên thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoài Thanh: Luật sư Ngô Quốc Chiến (bào chữa chỉ định) và luật sư Lê Minh Tâm đều thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

+ Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Tuấn Kiệt: Luật sư Trần Bùi Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:* Bà Đặng Thị K2, sinh năm 1978; Trú Thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, là vợ của bị hại Nguyễn Văn H2 (chết) – Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/7/2014, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thanh S và Trần Văn Đ đến quán cà phê ĐT741 ở phường Thác Mơ, thị xã P, tỉnh B1 thì lúc này trong quán có Võ Tấn A1, Đoàn Anh V và Phạm Tuấn K1 ngồi bàn kế bên. Trong lúc uống nước, Đ gọi A1 sang bàn để hỏi vì sao mấy hôm trước Đ gọi điện thoại mà A1 không bắt máy và đá A1 một cái. K1 can ngăn rồi cùng A1 quay về bàn ngồi. Sau đó Đ và S đi về. Khoảng 05 phút sau Hà Văn T1 chạy xe mô tô đến thì A nói cho T1 nghe việc A1 bị Đ đánh. Nghe xong, T1 chạy xe mô tô đi rủ L (không rõ tung tích) cùng đánh H2, Đ và S. Tấn chở L về phòng trọ lấy dao, mã tấu quay lại quán. T1 đi vào chém H2, H2 dùng ghế đỡ rồi chạy ra trước quán thì bị L chặn lại dùng dao Thái Lan đâm nhưng không trúng. Lúc này Đ đang ở trong nhà mẹ của Đ cách quán khoảng 20 mét cầm dao ra thì H2 chạy về phía Đ. Khi T1, L và Đ đang thách thức đánh nhau thì Võ Hoài T2 chạy xe đến kêu T1 và L bỏ qua, rồi cả ba cùng về nhà T2 cách đó khoảng 01 Km. Trên đường đi thì T1 và L vứt bỏ mã tấu và dao ở dọc đường.

Sau khi nhóm T2 đi về, H2 điện thoại kêu Lê Văn B và Nguyễn Duy Q đến quán. Một lúc sau có Lưu Tử K3 chạy xe mô tô hiệu YAMAHA chở Nguyễn Thanh M2 đến quán, S và Trương Công T3 cũng chạy xe mô tô cùng đến quán. Lúc này Đ chạy xe mô tô ra chợ P mua 07 cây rựa (dài khoảng 80 cm, mũi bằng) đem về để dưới bàn của nhóm H2 ngồi. Sau đó, H2 điện thoại cho T2 kêu L, T1 đến quán nói chuyện vì sao đánh H2 thì T2 trả lời L và T1 đã trốn. H2 nói *"Giờ lên nhà H1 (T2) nói chuyện"* và lấy một cây rựa điều khiển xe Novo đi trước, S chở Đ cầm một cây rựa, T3 chở Q cầm một cây rựa, M2 chở K3 cầm một cây rựa, B chở một người (không rõ lai lịch) cầm một cây rựa, tất cả cùng đi lên nhà T2 ở Khu phố 2, phường Thác Mơ, thị xã P, tỉnh B.

Khi đến đường rẽ vào nhà T2, M2 dừng xe và đứng ở ngoài đường, số còn lại đi vào. H2, Đ, S cầm rựa đi vào nhà T2 nhưng không thấy T2 nên H2, Đ, S cùng cả nhóm đi xuống trại chăn nuôi cách đó khoảng 200 mét để tìm. Lúc này T2, K1, L đang ở trong trại chăn nuôi, còn T1 đi bẫy chim từ trước. Khi thấy nhóm H2 đến thì T2, K1, L lấy đá ném nhau với nhóm H2. T2 cầm một chai "bom xăng" bật lửa ném về nhóm H2, chai xăng nổ nên nhóm H2 bỏ chạy lên dốc, T2 cầm đá cùng với K1 và L cầm rựa đuổi theo. Khi nhóm H2 chạy đến khoảng nửa dốc thì T1 từ đầu dốc đi ra nhìn thấy nhóm H2 thì T1 nhặt đá ném về nhóm H2, lúc này có người trong nhóm H2 dùng rựa ném về phía T1 nhưng không trúng, T1 cúi xuống nhặt rựa thì H2 xông đến chém trúng tay phải của T1, T1 nhặt rựa chém vào H2 3 nhát (không xác định được chính xác trúng vào vị trí nào), H2 bỏ chạy, T1 và L đuổi theo chém nhiều nhát vào tay, chân, lưng làm H2 gục ngã. L tiếp tục đuổi theo nhóm của H2 ra ngoài đường, chạy được 97,5 mét thì thấy Quang bị té nên Lý chém 02 nhát vào chân Quang. Thanh chạy tới kêu L dừng tay.

S và Q được mọi người đưa đi cấp cứu. H2 bị thương nặng nên tử vong, Q bị thương tích 11 %.

Sau khi đánh nhau, T2, T1, K1, L và nhóm của Đ bỏ trốn. Đến ngày 29/7/2014 K1 ra đầu thú còn T2, T1, Đ, S, Q, T3, B, K3 lần lượt bị bắt.

Biên bản kết luận giám định pháp y số 224/2014/GĐPY ngày 30/7/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B thì trên người Nguyễn Văn H2 có các vết thương sau:

- Ngang cột sống thắt lưng L2 có vết thương đặc điểm: Vết thương nằm ngang cột sống, hình khe, kích thước (2,0x4,8) cm bờ mép sắc gọn; Liên tiếp 2 góc 2 bên có vết bầm máu da dài 5,5 cm và 6,0 cm; Vết thương cách gót chân 105 cm; Vết thương gây đứt một phần gai sau L2, không tổn thương tủy sống; Cơ thẳng lưng (cơ dựng gai) bị dập đứt trong bao một phần.

- Mặt trước cẳng tay phải có vết thương đứt da cơ sắc gọn, tổn thương có hướng lực từ ngọn chi về góc chi tạo thành vạt da cơ có cuống nằm ở giữa nếp khuỷu tay; Vết thương có bờ mép và thành sắc gọn, kích thước (22,0x9,0) cm; Vết thương gây đứt bán phần cơ cánh tay quay, cơ sấp tròn và cơ gấp cổ tay quay, đứt bán phần mặt trước

đầu dưới cơ nhị đầu cánh tay; Đứt hoàn toàn động mạch cánh tay, thần kinh ở giữa và tĩnh mạch nền, xương không đứt vỡ.

- Đứt rời ngón "I", "II", "III" bàn chân phải. Vết thương có hướng lực từ ngón chân vào trong bàn chân, bờ mép thành vết thương sắc gọn, đứt gọn da cơ và xương bàn ngón.

- Sau dưới đùi trái có vết thương đứt da cơ hình khe nằm ngang trục chi, bờ mép sắc gọn, thành vết thương gọn, 2 góc nhọn kích thước (3,0 x 10,0)cm. Tổn thương gây đứt bán phần mặt sau cơ nhị đầu đùi, không gây đứt bó mạch thần kinh đùi.

- Gãy xương sườn số "II", "III" và "IV" cung trước trái, gãy trong bao màng xương. Tụ máu quanh ổ gãy.

Kết luận Nguyễn Văn H2 bị vật sắc bản mỏng tác động (chém) nhiều lần gây đa vết thương phần mềm, đứt mạch máu lớn, sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình mỗi bị cáo T1, T2, K1 đã bồi thường cho gia đình người bị hại 14.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 48/CTr-VKS-P1 ngày 29/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố:

- Hà Văn T1, Võ Hoài T1 và Phạm Tuấn K1 về tội *"Giết người"* theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự;

- Lê Văn B, Lưu Tử K3 về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo điểm e khoản 2 Điều 245 của Bộ luật Hình sự;

- Trần Văn Đ, Nguyễn Thanh S, Trương Công T3, Nguyễn Duy Q và Nguyễn Thanh M2 về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa sơ thẩm gia đình mỗi bị cáo K3 và B bồi thường cho chị K2 5.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 phạm tội *"Giết người"*; Các bị cáo: Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1, Lê Văn B, Lưu Tử K3, Trần Văn Đ, Nguyễn Thanh S, Trương Công T3, Nguyễn Duy Q và Nguyễn Thanh M2 phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

Áp dụng khoản 2 Điều 298 BLTTHS năm 2015, khoản 2 Điều 93 BLHS năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52, Điều 38, 50, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Hà Văn T1 12 (Mười hai) năm tù về tội "Giết người", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 11/9/2014;

Áp dụng khoản 2 Điều 298 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 245 BLHS năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52, Điều 38, 50, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Võ Hoài T2 04 (Bốn) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam, ngày 11/9/2014;

Áp dụng khoản 2 Điều 298; Điều 328 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 245 BLHS năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52, Điều 38, 50, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn K1 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng 11 (Mười một) ngày tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng Điều 589, Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của người đại diện hợp pháp của người bị hại các khoản như sau: Mai táng phí 56.500.000 đồng; Tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; Cấp dưỡng nuôi con của người bị hại là Nguyễn Đặng Lan A2, sinh ngày 24/01/2004 và Nguyễn Đặng Hà A3 sinh ngày 24/8/2009 mỗi cháu 1.150.000 đồng/tháng kể từ ngày 26/7/2014 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Gia đình các bị cáo Võ Hoài T2, Phạm Tấn K1, Hà Văn T1, Lưu Tử K3, Lê Văn B đã bồi thường 47.000.000 đồng.

Buộc bị cáo T1 tiếp tục bồi thường 39.600.000 đồng [(56.600.000 đồng + 30.000.000 đồng) – 47.000.000 đồng] và cấp dưỡng nuôi Nguyễn Đặng Lan A2, sinh ngày 24/01/2004, Nguyễn Đặng Hà A3 sinh ngày 24/8/2009 mỗi cháu 1.150.000 đồng/tháng kể từ ngày 26/7/2014 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Bị cáo Hà Văn T1 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng và 1.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Văn B 01 năm 05 tháng 21 ngày tù; Lưu Tử K3 05 tháng 15 ngày tù; Trần Văn Đ 06 tháng 08 ngày tù; Nguyễn Duy Q 07 tháng 15 ngày tù; Trương Công T3 06 tháng tù; Nguyễn Thanh S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Nguyễn Thanh M2 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đều về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*; quyết định về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; trách nhiệm liên đới giữa bị cáo T1 với L; trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/02/2018, bà Đặng Thị K2 là người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo Võ Hoài T2 và Phạm Tuấn K1 phạm tội "Giết người", yêu cầu tăng hình phạt Hà Văn T1, Võ Hoài T2 và Phạm Tuấn K1 theo mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại phiên tòa sơ thẩm; Buộc Hà Văn T1, Võ Hoài T2 và Phạm Tuấn K1 bồi thường các khoản như sau: Mai táng phí 56.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; cấp dưỡng nuôi Nguyễn Đặng Lan A2 và Nguyễn Đặng Hà A3 với số tiền 248.000.000 đồng; có trách nhiệm mẹ nuôi con mồ côi 50.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản 384.000.000 đồng và phải bồi thường một lần sau khi phiên tòa kết thúc.

Tại quyết định số 02/QĐ-VKS-P1 ngày 22/02/2018 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng chuyển khung phạt đối với Hà Văn T1; chuyển tội danh và tăng hình phạt đối với Võ Hoài T2 và Phạm Tuấn K1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hà Văn T1 không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của bà Đặng Thị K2. Bị cáo đồng ý bồi thường tất cả các khoản do bà K2 yêu cầu, nhưng bị cáo không có khả năng bồi thường một lần, mà sẽ bồi thường hàng tháng như án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo Võ Hoài T2 không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của bà Đặng Thị K2. Bị cáo không đồng ý bồi thường cho bà K2 vì bị cáo không có tham gia chém H2.

Bị cáo Phạm Tuấn K1 không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của bà Đặng Thị K2. Bị cáo không đồng ý bồi thường cho bà K2 vì bị cáo không tham gia làm H2 chết.

Bà Đặng Thị K2 xin rút đơn yêu cầu hoãn phiên tòa. Bị cáo T2 và K1 phạm tội "Giết người" với vai trò giúp sức nên bà yêu cầu xét xử bị cáo T1, T2 và K1 đều phạm tội "Giết người", yêu cầu tăng hình phạt T1, T2 và K1. Trong khoảng thời gian rất ngắn thì một người không thể gây ra rất nhiều vết thương ở nhiều vị trí khác nhau trên người của anh H2, phải có nhiều người cùng tham gia. Các bị cáo đã có sự bàn bạc trước việc giết anh H2. Cả 3 bị cáo T1, T2, K1 cùng gây ra cái chết cho chồng bà thì 3 bị cáo này phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho bà. Bà không yêu cầu bồi thường khoản tiền mẹ nuôi con mồ côi nữa, mà bà yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần lên thêm 50.000.000 đồng là 80.000.000 đồng, yêu cầu cấp dưỡng một lần cho các con của bà và yêu cầu các bị cáo phải thực hiện bồi thường ngay khoản tiền cấp dưỡng do bà đã nuôi con từ khi xảy ra vụ án đến nay đã hơn 4 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy đơn kháng cáo của bà Đặng Thị K2 và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 trong thời hạn luật định, hợp lệ. Về nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 phạm tội *"Giết người"* theo Khoản 2, Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tuyên bố các bị cáo Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1 phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, do đó Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về khung hình phạt đối với bị cáo T1 và về tội danh đối với bị cáo T2, K1. Tuy nhiên về hình phạt án sơ thẩm đã xử phạt chưa tương xứng, các bị cáo đều có quá trình nhân thân xấu, hành động quyết liệt, gây tác động rất xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên đề nghị tăng hình phạt đối với cả 03 bị cáo. Cụ thể đề nghị phạt bị cáo T1 13 năm tù; bị cáo T2 từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù; bị cáo K1 từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự do tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo T1 đồng ý bồi thường thêm cho bà K2 tiền tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với việc bà K2 yêu cầu bồi thường tiền cấp dưỡng một lần là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Văn T1 đề nghị xem xét nếu sự việc dừng lại ở quán cà phê thì sự việc đã không đi quá xa như vậy, nhưng anh H2 đã chủ động cùng nhiều người cầm dao đi tìm T1 nên mới xảy ra sự việc làm anh H2 chết. T1 không có chủ ý giết H2 mà chỉ phản kháng. Bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa phúc

thẩm hôm nay T1 đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của bà K2, chứng tỏ T1 đã rất ăn năn hối lỗi nên đề nghị áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường tiền cấp dưỡng nhưng vì bồi thường một lần thì bị cáo không có khả năng, nên đề nghị cho bị cáo cấp dưỡng hàng tháng.

Luật sư Lê Minh Tâm bào chữa cho bị cáo Võ Hoài T2 đề nghị xem xét T2 đã căn ngăn ở quán cà phê. Khi anh H2 và nhiều người đến tìm thì T2 nói T1 và Cu L đã trốn, chứng tỏ T2 không muốn hai bên gặp nhau. Khi nhóm người của H2 cầm dao đến trại chăn nuôi tấn công thì buộc lòng nhóm của T2 phải chống trả. T2 ở lại trại chăn nuôi cho đến khi T2 đi lên dốc thì H2 đã bị chém nằm ở đó nên T2 không có tham gia hay giúp sức gây ra cái chết cho anh H2, vì vậy T2 không đồng phạm "giết người". Bị cáo T2 đã nhiều lần và liên tục can ngăn nên mức hình phạt 4 năm tù đối với T2 đã là quá nghiêm khắc, không cần thiết phải tăng hình phạt nên đề nghị giữ nguyên.

Luật sư Ngô Quốc Chiến đề nghị xem xét việc T1 phạm tội giết người độc lập với hành vi của T2. T2 liên tục can ngăn và điện thoại báo công an, nhưng vì nhóm của H2 tấn công mà công an chưa đến nên phải chống trả. Án sơ thẩm phạt T2 4 năm tù đã là nghiêm khắc nên đề nghị giữ y.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn K1 đề nghị xem xét K1 không có mâu thuẫn gì với nhóm của H2. K1 không có hành vi tác động vào anh H2 nên không đồng phạm tội giết người và đo đó cũng không phải bồi thường. Đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo K1.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 đều trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về khung hình phạt đối với Hà Văn T1 và về tội danh đối với Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1 nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát đã rút.

[3] Sau khi mâu thẫn tại quán cà phê ĐT741 thì nhóm của T1 đã bỏ về nhưng người bị hại Nguyễn Văn H2 chủ động mua mã tấu rủ rê S, Đ, T3, Q, M2, K3, B và một người không rõ tung tích mang theo hung khí là 07 cây mã tấu đến tận nơi ở của bị cáo T2 để "nói chuyện". Không gặp tại nhà T2 thì tiếp tục đến trại chăn nuôi tìm nhóm của T1 và sự việc xảy ra tại đây. Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án kết hợp lời khai của người làm chứng tại bút lục 991-992 và các vết thương để lại trên người H2 đã xác định khi bị cáo T1 từ đầu dốc đi ra thì H2 nhìn thấy liền hô lên và cầm rựa chạy về phía T1, lúc này có một người trong nhóm H2 ném con rựa vào người T1 nhưng

không trúng, lúc T1 đang cúi xuống nhặt rựa thì bị H2 chém trúng vào cổ tay phải, T1 chém lại H2 và L chạy đến dùng rựa chém H2. Do vậy, không có căn cứ để xác định hành vi của T1 mang tính chất côn đồ, nên bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo T1 phạm tội "Giết người" theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 là chính xác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị K2 yêu cầu tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và do đó chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư.

Tuy nhiên, bị cáo Hà Văn T1 có quá trình nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị phạt tù nhưng không sửa chữa bản thân lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, gây hậu quả chết người, do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, không chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư, tăng hình phạt đối với bị cáo Hà Văn T1.

[3] Bị cáo Võ Hoài T2 có hành vi châm lửa chai xăng rồi ném về nhóm về nhóm của Đ gây cháy nổ, sau đó cầm đá rượt đuổi H2, còn bị cáo Phạm Tuấn K1 có hành vi dùng đá ném về nhóm của H2. Sau khi H2 chạy lên đến giữa đồi gặp T1 thì H2 chém trúng vào tay T1 nên T1 chém H2 và sau đó L cũng đến chém H2 dẫn đến H2 tử vong. Do vậy, không có căn cứ để xác định bị cáo T2 và bị cáo K1 đồng phạm tội *"Giết người".* Bản án sơ thẩm đã xét xử T2 và K1 về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* là đúng với sự việc xảy ra nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị K2 yêu cầu tuyên bố các bị cáo Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1 phạm tội *"Giết người"* theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và do đó chấp nhận một phần lời bào chữa của các luật sư.

[4] Bị cáo Võ Hoài T2 có quá trình nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị phạt tù về các tội "Cưỡng đoạt tài sản", "Trộm cắp tài sản", "Cướp tài sản" nhưng không sửa chữa bản thân. Trong vụ án này bị cáo T2 đã tham gia đốt, ném chai xăng gây cháy và cầm đá đuổi theo người bị hại, gây ảnh hưởng rất xấu đến an toàn trật tự công cộng. Tuy bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, trong lúc sự việc xảy ra thì bị cáo điện thoại báo Công an và có những lời nói can ngăn các bị cáo khác để hạn chế thiệt hại, nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội lại bỏ trốn, do đó bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T2 4 năm tù là có phần nhẹ, nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của bà Đặng Thị K2, không chấp nhận một phần lời bào chữa của các luật sư, sửa một phần bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Hoài T2.

[5] Bị cáo Phạm Tuấn K1 có quá trình nhân thân xấu, đã bị phạt tù về hành vi đánh bạc chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này là tái phạm. Tuy bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, nhưng bản án sơ thẩm đã xử phạt K1 03 năm 06 tháng 11 ngày tù là chưa tương xứng, chưa đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe

phòng ngừa chung cho xã hội nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 và kháng cáo của bà Đặng Thị K2, không chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư, sửa một phần bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Tuấn K1.

[6] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị K2 yêu cầu bị cáo Võ Hoài T2 và Phạm Tuấn K1 phải liên đới trách nhiệm bồi thường là không có căn cứ, vì bị cáo T2 và bị cáo K1 không gây ra cái chết cho anh H2, lời bảo vệ của các luật sư về phần này là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà K2 đối với khoản mai táng phí 56.500.000 đồng nên không có căn cứ để tăng tiền bồi thường khoản này. Mỗi gia đình bị cáo T1, T2, K1 đã bồi thường 14.000.000 đồng; Mỗi gia đình bị cáo Lưu Tử K3 và Lê Văn B bồi thường 5.000.000 đồng. Tổng cộng đã bồi thường 52.000.000 đồng [(14.000.000 đồng x 3) + (5.000.000 đồng x 2)] và số tiền này được khấu trừ vào tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà K2 yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần là 80.000.000 đồng và bị cáo Hà Văn T1 đồng ý theo yêu cầu này của bà K2, nên ghi nhận.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi Nguyễn Đặng Lan A2 và Nguyễn Đặng Hà A3, bà K2 kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường một lần với số tiền 248.000.000 đồng, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường một lần, nên không có căn cứ để chấp nhận, mà bị cáo phải bồi thường hàng tháng với mức cấp dưỡng cho từng cháu theo quyết định bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tổng cộng bị cáo Hà Văn T1 còn phải bồi thường cho bà K2 là 84.500.000 đồng {(56.500.000 đồng + 80.000.000 đồng) - [(14.000.000 đồng x 3) + (5.000.000 đồng x 2)]} và cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con của người bị hại.

[7] Bà Đặng Thị K2 được miễn toàn bộ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Bị cáo Hà Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với khoản tiền cấp dưỡng cho 02 con của người bị hại và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.112.500 đồng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo: Lê Văn B; Lưu Tử K3; Trần Văn Đ; Nguyễn Duy Q; Trương Công T3; Nguyễn Thanh S; Nguyễn Thanh M2; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; trách nhiệm liên đới giữa bị cáo T1 với L; trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1 về khung hình phạt đối với Hà Văn T1 và về tội danh đối với Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1.

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 257 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B1; Sửa Bản án sơ thẩm 09/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 về hình phạt đối với các bị cáo Hà Văn T1, Võ Hoài T2, Phạm Tuấn K1;

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T1 (Tên gọi khác: C) phạm tội *"Giết người"*. Các bị cáo: Võ Hoài T2 (Tên gọi khác: H1), Phạm Tuấn K1 (Tên gọi khác: M1) phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

2.2. Áp dụng khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Các điều 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hà Văn T1 (Tên gọi khác: C) 13 *(Mười ba)* năm tù về tội *"Giết người"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2014; Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.3. Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Hoài T2 (Tên gọi khác: H1) 05 *(Năm)* năm tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng".* Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2014; Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.4. Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn K1 (Tên gọi khác: M1) 04 *(Bốn)* năm 06 *(sáu)* tháng tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 29/7/2014 đến ngày 09/02/2018.

[3] Áp dụng Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại đòi bồi thường tiền mai táng phí là 56.500.000 đồng; Ghi nhận bị cáo Hà Văn T1 đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng 136.500.000 đồng; Khấu trừ các khoản tiền do gia đình các bị cáo Võ Hoài T2, Phạm Tấn K1, Hà Văn T1, Lưu Tử K3, Lê Văn B đã bồi thường 52.000.000 đồng *(Năm mươi hai triệu đồng).*

Buộc bị cáo Hà Văn T1 tiếp tục bồi thường 84.500.000 đồng *(Tám mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng)* và phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đặng Lan A2, sinh ngày 24/01/2004, cháu Nguyễn Đặng Hà A3 sinh ngày 24/8/2009 từng cháu mỗi tháng

1.150.000 đồng *(Một triệu một trăm mười lăm ngàn đồng)*/cháu/tháng, tính từ ngày 26/7/2014 cho đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi.

[4] Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hà Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* đối với khoản tiền cấp dưỡng và án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.112.500 đồng *(Hai triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).*

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo: Lê Văn B; Lưu Tử K3; Trần Văn Đ; Nguyễn Duy Q; Trương Công T3; Nguyễn Thanh S; Nguyễn Thanh M2; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; trách nhiệm liên đới giữa bị cáo Hà Văn T1 với L; trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B1;
- VKSND tỉnh B1;
- Công an tỉnh B1;
- Sở Tư pháp B1, T;
- Cục THADS tỉnh B1;
- Trại tạm giam Công an B1 (Trại tạm giam Công an tỉnh B1 tống đạt cho bị cáo);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công